

Ngày 04 – 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng và ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2025/HSPT ngày 22/4/2025 đối với bị cáo Lê Thành Anh V, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Thành Anh V (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày: 23/10/1990; Tại: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Số C đường S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đức T, sinh năm 1966 và con bà Lê Thị Bạch H, sinh năm 1967; Cùng trú tại: Thôn C B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Võ Thanh B, sinh năm: 1991; Có 01 con sinh năm 2014. Trú tại số A đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/4/2008, bị Công an phường T, thành phố B, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau (Quyết định số 30535) bằng hình thức phạt tiền. Bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 21/12/2018, bị Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk, ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn lậu (Quyết định số 06) bằng hình thức phạt tiền, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo Lê Thành Anh V bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2024 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành A Vĩ là người không có nghề nghiệp ổn định. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài. Trong khoảng thời gian từ ngày 04/8/2024 đến ngày 13/8/2024, V đã thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản của người dân tại địa bàn thành phố B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng ngày 08 giờ ngày 04/8/2024, Lê Thành Anh V đi bộ đến khách sạn “Hoàng Tuấn Ban Mê”, tại địa chỉ số E đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, gặp chị Nguyễn Nhật Hoài L, sinh năm 2001, nơi thường trú thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Là nhân viên của khách sạn), hỏi thuê 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đỏ, biển kiểm soát 47B1- 658.76, với giá 100.000 đồng/ 01 ngày, thì chị L đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1- 658.76, đi quanh khu vực phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, tìm tài sản của người dân để chiếm đoạt. Khi V đi đến trước nhà của anh Châu Ngọc V1, sinh năm 1995, tại địa chỉ số F đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, V thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 47B2-879.35 dựng phía trước nhà. Trên gác ba ga xe có để 01 chiếc ba lô nhãn hiệu BABOLAT bằng vải màu xanh, của anh V1. Quan sát xung quanh không có người trông coi, V đã lên lút lấy trộm chiếc ba lô của anh V1, rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1- 658.76, tẩu thoát về phòng thuê trọ tại địa chỉ số B đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để cất giấu. Tại đây, V kiểm tra bên trong ba lô có 01 cây vợt tennis màu cam-xám, lưới vợt màu cam, có cán vợt màu trắng, trên thân vợt có chữ HEAD; 01 cây vợt tennis màu vàng-đen, lưới vợt màu đen, có cán vợt màu trắng, trên thân vợt có chữ BABOLAT và 01 đôi giày màu trắng-đỏ- đen, trên giày có chữ ADIDAS BARRICADE. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1- 658.76 đi đến khách sạn “Hoàng Tuấn Ban Mê”, để trả lại xe. Vĩ sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S, màu xanh, số I 351662615417310, liên hệ với một người đàn ông trú tại thành phố Hồ Chí Minh (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), bán 02 cây vợt tennis và 01 đôi giày với giá 3.800.000 đồng, thì người đàn ông đồng ý mua. Số tiền có được V sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Còn chiếc ba lô V đã vứt bỏ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 228/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 chiếc ba lô bằng vải, nhãn hiệu BABOLAT màu xanh bằng vải, đã qua sử dụng, tài sản không thu hồi được, trị giá 270.000 đồng;

- 01 cây vợt Tennis màu cam - xám, lưới vợt màu cam, có cán vợt màu trắng, trên thân vợt có chữ HEAD, đã qua sử dụng, tài sản chưa thu hồi được, trị giá 2.400.000 đồng;

- 01 cây vợt Tennis màu vàng - đen, lưới vợt màu đen, có cán vợt màu trắng, trên thân vợt có chữ BABOLAT, đã qua sử dụng, tài sản chưa thu hồi được, trị giá 3.100.000 đồng;

- 01 đôi giày thể thao màu trắng - đỏ - đen, trên thân giày có chữ ADIDAS BARRICADE, đã qua sử dụng, tài sản chưa thu hồi được, trị giá 1.800.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là 7.570.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/8/2024, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1- 658.76, đi đến khu vực phường T, thành phố B, tìm tài sản của người dân để chiếm đoạt. Khi V đi đến trước nhà của chị Hoàng Thị V2, sinh năm 1984, địa chỉ số I đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thấy nhà không khóa cửa. Lúc này, chị V2 và anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988 (là chồng của chị V2) đang ngồi nói chuyện ở phòng khách. Trên bàn gỗ cách chị V2 khoảng 01 mét, có để 01 chiếc túi xách màu trắng. V dựng xe bên ngoài đường rồi đi bộ đến gần cửa chính nhà chị V2. Lợi dụng trong lúc chị V2 không chú ý quan sát, V chạy vào nhà nhanh chóng cướp giật chiếc túi xách của chị V2 rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1- 658.76, tẩu thoát về phòng trọ tại địa chỉ số B đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để cất giấu. Tại đây, V kiểm tra bên trong túi xách có các tài sản, giấy tờ gồm: 01 chiếc nhẫn kiểu dáng kim tiền bằng vàng, loại vàng 610, khối lượng 7.8 phân; 01 chiếc nhẫn kiểu dáng hình hoa mai bằng vàng, loại vàng 8K, khối lượng 08 phân, mặt có đính đá quý (Không rõ đặc điểm); 01 chiếc hoa tai bằng vàng, loại vàng 8K, khối lượng 1.5 phân, mặt có đính đá quý (Không rõ đặc điểm); 01 thẻ căn cước công dân số 066184006403 cấp ngày 27/12/2021; 01 thẻ ngân hàng S1 số tài khoản 3286512623; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 671083000029 cấp ngày 22/10/2013; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 671083000029 cấp ngày 22/10/2019, đều mang tên Hoàng Thị V2. Sau đó, V đi đến khách sạn “Hoàng Tuấn Ban M” để trả lại xe mô tô biển kiểm soát 47B1- 658.76. Đến ngày 07/8/2024, V mang 02 nhẫn vàng và 01 chiếc bông tai vàng đã chiếm đoạt của chị V2, đi đến tiệm V3, địa chỉ: Lô B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bán cho ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1969, trú tại số F đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (là chủ tiệm vàng) với giá 5.450.000. Túi xách và các viên đá đính trên nhẫn và bông tai V đã vứt bỏ ở ven đường (Chưa xác định được địa điểm). Số tiền có được từ việc bán vàng, V sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 228/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chiếc túi xách

đeo chéo bằng da màu trắng, kích thước (20x15x10) cm, đã qua sử dụng, tài sản không thu hồi được, từ chối định giá.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 285/KL-HĐĐGTS ngày 18/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 chiếc nhẫn kiểu dáng kim tiền bằng vàng, loại vàng 14K (V), trọng lượng 7.8 phân, tài sản đã qua sử dụng, tài sản chưa thu hồi được, trị giá 3.200.000 đồng;

- 01 chiếc nhẫn kiểu dáng hình hoa mai bằng vàng, loại vàng 8K, trọng lượng 08 phân (Không bao gồm đá quý không rõ đặc điểm), tài sản đã qua sử dụng, tài sản chưa thu hồi được, trị giá 1.800.000 đồng;

- 01 chiếc hoa tai bằng vàng, loại vàng 8K, trọng lượng 1.5 phân (Không bao gồm đá quý không rõ đặc điểm), tài sản đã qua sử dụng, tài sản chưa thu hồi được, trị giá 350.000 đồng;

- Đối với đá quý (Không rõ đặc điểm) từ chối định giá.

Tổng trị giá tài sản là 5.350.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 13/8/2024, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1- 658.76 đi đến khu vực phường T, thành phố B, tìm tài sản của người dân để chiếm đoạt. Khi V đi đến trước quán nhậu, tại địa chỉ số C đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Lúc này, chị Lê Thị Thanh H1, sinh năm 1991, trú tại số H đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đang ngồi bên trong quán, bên tay phải chị H1 có để 01 chiếc túi xách màu nâu, nên V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc túi xách của chị H1. V dừng xe bên ngoài, rồi đi bộ vào trong quán. Vĩ quan sát thấy chị H1 sơ hở, V nhanh chóng cướp giật chiếc túi xách, rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1- 658.76 tẩu thoát về phòng trọ tại địa chỉ số B đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, V kiểm tra bên trong túi xách có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh. Đến ngày 25/8/2024, V đi đến cửa hàng cầm đồ Nguyễn P, địa chỉ số I Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, cầm cố điện thoại Iphone 11 Pro max cho anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987 (là chủ cửa hàng) được số tiền 6.000.000 đồng, V sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Còn chiếc túi xách màu nâu V vứt bỏ ở ven đường (không nhớ rõ vị trí).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 206/KL-HĐĐGTS ngày 19/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, dung lượng 64GB, số Imei: 352838113637307 đã qua sử dụng, tài sản thu hồi được, trị giá 6.200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 228/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chiếc túi xách đeo chéo bằng da màu nâu, kích thước (20x15)cm, đã qua sử dụng, tài sản không thu hồi được: Từ chối định giá.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành Anh V phạm tội: “Cướp giật tài sản” và “ Trộm cắp tài sản”.

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành Anh V: 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành Anh V : 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thành A Vĩ phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 28/8/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/3/2025, bị cáo Lê Thành Anh V có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thành Anh V khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thành Anh V về tội: “Cướp giật tài sản” và “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thành A Vĩ 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thành A Vĩ phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có ông bà nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thành Anh V sửa bản án

sơ thẩm về hình phạt. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thành Anh V 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thành A Vĩ phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm tù

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Lê Thành A Vĩ tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: khoảng 08 giờ ngày 04/8/2024, tại địa chỉ 6 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Lê Thành Anh V có hành vi lén lút trộm cắp của anh Châu N V1 01 chiếc ba lô nhãn hiệu BABOLAT bằng vải màu xanh, trị giá 270.000 đồng, bên trong đựng 01 cây vợt tennis màu cam-xám, lưới vợt màu cam, có cán vợt màu trắng, trên thân vợt có chữ HEAD, trị giá 2.400.000 đồng; 01 cây vợt tennis màu vàng-đen, lưới vợt màu đen, có cán vợt màu trắng, trên thân vợt có chữ BABOLAT, trị giá 3.100.000 đồng và 01 đôi giày màu trắng-đỏ-đen, trên giày có chữ ADIDAS BARRICADE, trị giá 1.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh V1 là 7.570.000 đồng.

Ngoài ra, vào các ngày 06/8/2024 và ngày 13/8/2024, tại địa bàn thành phố B, Lê Thành Anh V thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị Hoàng Thị V2 01 chiếc túi xách màu trắng, bên trong đựng 01 chiếc nhẫn bằng vàng, khối lượng 7.8 phân, trị giá 3.200.000 đồng; 01 chiếc nhẫn kiểu dáng hình hoa mai bằng vàng, khối lượng 08 phân, mặt có đính đá quý (Không rõ đặc điểm), trị giá 1.800.000 đồng; 01 chiếc hoa tai bằng vàng, khối lượng 1.5 phân, mặt có đính đá quý (Không rõ đặc điểm), trị giá 350.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân mang tên Hoàng Thị V2 và cướp giật tài sản của chị Lê Thị Thanh H1 01 chiếc túi xách màu nâu bên trong đựng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, trị giá 6.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị V2, chị Lê Thị Thanh H1 là 11.550.000 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thành Anh V về tội “Cướp giật tài sản” và “ Trộm cắp tài sản” theo theo khoản 1 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thành A Vĩ 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thành A Vĩ phải chấp hành hình phạt

chung của cả hai tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, cấp sơ thẩm đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thành Anh V, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thành Anh V – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

[2.1] Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành Anh V: 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

[2.2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành Anh V : 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

[2.3] Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thành A Vĩ phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 28/8/2024.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thành Anh V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP BMT;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- Phân trại tạm giam KV BMT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đinh Thị Tuyết